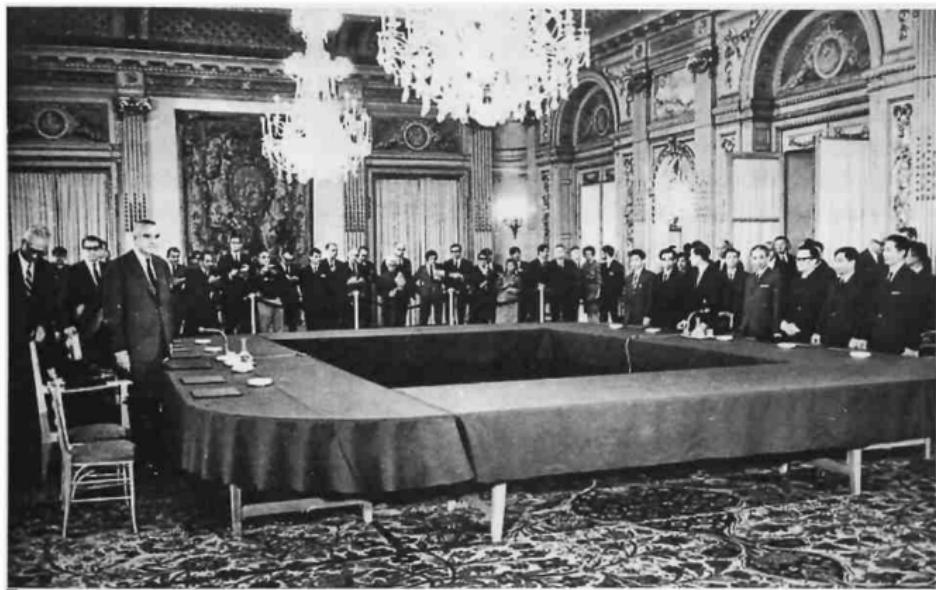


CHIẾN TRANH VIỆT NAM TRONG CỤC DIỆN TAM GIÁC MỸ - TRUNG - XÔ (1954- 1975)

(Tiếp theo và kết)

GS VŨ DƯƠNG NINH

Đại học Quốc gia Hà Nội



Quang cảnh cuộc đàm phán giữa Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Hoa Kỳ về hòa bình ở Việt Nam, ngày 13-5-1968

3. Sau hơn hai chục năm thành lập Nhà nước Cộng hòa Nhân dân, Trung Quốc luôn coi đế quốc Mỹ là “kẻ thù số một”, khẩu hiệu chống Mỹ xuất hiện thường trực trên các trang báo, giăng khắp mọi nơi trong cả nước. Nhưng cũng đã đến lúc họ suy tính lại để tìm kiếm đồng minh trong cuộc đối đầu với Liên Xô mà họ gọi là “đế quốc xã hội”, thậm chí còn nguy hiểm hơn đế quốc Mỹ. Họ theo dõi và phản ứng khá tích

cực những tín hiệu từ Washington. Tháng 12-1970, Mao Trạch Đông nói trong buổi tiếp nhà báo Mỹ Edgar Snow: “Nếu Nixon sẵn sàng đến, tôi cũng sẽ sẵn sàng bàn bạc, bàn bạc thành công thì tốt, không thành công cũng không sao, thậm chí cãi nhau cũng được. Nhưng tôi sẽ không cãi nhau đâu, phê bình thì có thể có. Ông ta đến với tư cách là khách du lịch cũng được mà đến với tư cách Tổng thống cũng được, nói tóm lại, thế nào cũng được”²¹.

Tháng 4-1971, Trung Quốc mời đội bóng bàn Mỹ đang thi đấu ở Nhật Bản sang thăm Bắc Kinh, mở đầu tiến trình giao hảo được gọi là “ngoại giao bóng bàn”. Báo chí thế giới bình luận “quả bóng nhỏ làm chuyển động cả một trái bóng lớn”. Hai chuyến đi bí mật của Cố vấn an ninh quốc gia Mỹ H. Kissinger sang Bắc Kinh (tháng 7 và tháng 10-1971) là bước chuẩn bị cho chuyến thăm chính thức của Tổng thống Mỹ đến Trung Quốc.

Trong hành trang của người Mỹ sang Bắc Kinh, họ mang hai “quân bài” để mặc cả, đó là chiến tranh Việt Nam và vấn đề Đài Loan. Ngay trong buổi gặp đầu tiên, Kissinger đã trình bày cho Chu Ân Lai những dự kiến về vấn đề Đài Loan, trong đó, điểm đầu tiên là “Chính phủ Hoa Kỳ dự định sau khi chiến tranh Đông Dương kết thúc sẽ rút 2/3 số quân Mỹ ra khỏi Đài Loan và sẵn sàng giảm bớt lực lượng quân sự còn lại theo đà cải thiện quan hệ Mỹ - Trung”²². Có thể hiểu hàm ý của người Mỹ là muốn giải quyết vấn đề Đài Loan, Trung Quốc phải có trách nhiệm trong việc giải quyết vấn đề chiến tranh ở Đông Dương, chỉ khi chiến tranh Đông Dương kết thúc thì quân Mỹ mới rút khỏi Đài Loan. Trong buổi hội đàm tiếp sau, Kissinger xuất thêm một “con bài” nữa: “Xin các ngài yên tâm, nước Mỹ muốn qua lại với Trung Quốc, quyết không thể tấn công Trung Quốc. Mỹ và các đồng minh của mình không thể bắt tay với đối thủ chia mũi nhọn vào Trung Quốc. Quân đội Trung Quốc dùng để đối phó với Mỹ có thể chuyển lên phía Bắc, dàn thế trận ở một nơi nào đó”²³. Người Mỹ hiểu rất rõ ý đồ của Trung Quốc muốn tìm đồng minh chống Liên Xô và ngầm phát tín hiệu về sự đồng lõa này.

Ngày 25-10-1971, phiên họp Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua nghị quyết khôi phục địa vị và quyền lợi hợp pháp của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa tại Liên hợp quốc, thay thế vị trí

của Đài Loan. Vị thế của Bắc Kinh được nâng cao trên trường quốc tế.

Tháng 1-1972, Nhà Trắng cử Tướng Haig đến Bắc Kinh, bê ngoài là để hoàn tất việc chuẩn bị về mặt kỹ thuật cho chuyến đi của Tổng thống nhưng bên trong là mang thông điệp về vấn đề Việt Nam. Haig nói với Chu Ân Lai rằng Nixon cần sự giúp đỡ của Trung Quốc trong việc đạt được sự thỏa thuận tại Việt Nam, đề nghị Trung Quốc gây áp lực để Hà Nội giảm bớt những đòi hỏi của họ, giúp cho việc thuyết phục Hà Nội đi đến một kết thúc có thể chấp nhận được. Thậm chí Mỹ sẵn sàng sắp xếp một cuộc lật đổ Tổng thống chế độ Sài Gòn nếu điều đó đạt được một sự thỏa thuận trên bàn đàm phán. Đầu tháng 2, Kissinger gửi một thông điệp khẩn đến Chu Ân Lai đề nghị được bay ngay sang Bắc Kinh khi biết Cố vấn Lê Đức Thọ đang về qua đó để thảo luận một sự dàn xếp “với sự hào phóng và công bằng”. Người Trung Hoa tham tràm và kín đáo đã trả lời: Trung Quốc ủng hộ Việt Nam và không can thiệp vào các cuộc đàm phán giữa Mỹ và Việt Nam²⁴.

Sau chuyến thăm của Tổng thống Mỹ Nixon, bản Thông cáo chung Thượng Hải (2-1972) đề cập đến vấn đề Đài Loan là vấn đề mấu chốt của cuộc gặp gỡ²⁵. Về vấn đề Việt Nam, Trung Quốc khẳng định sự ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Đông Dương, ủng hộ Chương trình Bảy điểm của Chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam tại cuộc hòa đàm Pari; Hoa Kỳ khẳng định mục đích giải quyết vấn đề Việt Nam bằng thương lượng, ủng hộ Chương trình Tám điểm của Chính phủ Mỹ. Vấn đề Đài Loan và chiến tranh Việt Nam trong Thông cáo chung tưởng như là hai câu chuyện riêng rẽ nhưng thực ra, nó bị ràng buộc bởi một điều kiện từ phía Hoa Kỳ về việc rút quân khỏi Đài Loan: “Chúng tôi khẳng định rằng mục tiêu cuối cùng của chúng tôi là rút quân đội của mình ra khỏi Đài Loan nhưng chúng

tôi không ám định ngày rút và từng thời kỳ một, chúng tôi sẽ tuyên bố về thỏa thuận rút dần quân đội và thiết bị của chúng tôi ở Đài Loan *tùy theo mức độ giảm bớt căng thẳng ở khu vực này*”²⁶. Rõ ràng là Nixon chủ trương gắn việc giảm sự hiện diện quân sự Hoa Kỳ ở Đài Loan với quá trình giải quyết vấn đề chiến tranh ở Việt Nam.

Ngay sau khi Tổng thống Mỹ về nước, Thủ tướng Chu Ân Lai đến Hà Nội để đoán chắc về sự ủng hộ “trước sau như một” của Trung Quốc và Ngoại trưởng Kissinger đến Sài Gòn báo đám quan hệ đồng minh với chế độ Việt Nam Cộng hòa. Nhà sử học Mỹ Larry Berman có lời bình luận: “Chu Ân Lai đến Hà Nội ngày 4-3, vài ngày sau khi Nixon rời Trung Quốc để báo đám với Bắc Việt là không có chuyện bán đứng họ. Kissinger cũng đi Sài Gòn làm cùng một việc. *Nhưng chẳng bên nào tin vào lời báo đám ấy*”²⁷. Sự thực sau này đã chứng minh đúng là như vậy!

4. Sau khi N. Khruschev rời khỏi chính trường, những nhà lãnh đạo mới của Liên Xô (Tổng Bí thư Brezhnev, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng A. Kossygin, Chủ tịch Xô viết tối cao Podgorny) có bước điều chỉnh chính sách đối nội và đối ngoại. Với Mỹ, Liên Xô theo đuổi chính sách vừa đấu tranh vừa hòa hoãn. Nhất là trước sự chống đối quyết liệt từ Trung Quốc, việc thỏa hiệp với Mỹ được tăng cường để Liên Xô không bị rơi vào thế cô lập trong quan hệ tam giác Mỹ - Trung - Xô, hon nứa còn lôi kéo Mỹ về phía mình để chống lại Trung Quốc. Dương nhiên người Mỹ hiểu điều đó, ra sức khai thác mối mâu thuẫn Trung - Xô để đem lại lợi ích cho mình. Kissinger viết trong *Hồi ký*: “Chuyện hai cường quốc cộng sản ganh đua một mối quan hệ tốt với chúng ta chỉ có thể tạo ra một cơ sở cho hòa bình mà thôi (...) Về mặt địa chính trị nó chống lại lợi ích của chúng ta nếu đe Liên Xô

trội hơn Trung Quốc, hoặc để cho Trung Quốc bị Moscow điều khiển”²⁸. Đó là chiến lược mà chính quyền Nixon đã thực hiện thành công đối với hai cường quốc cộng sản.

Đầu những năm 70, hai vấn đề được Mỹ và Liên Xô quan tâm nhất là việc tổ chức Hội nghị Thượng đỉnh Mỹ - Xô bàn về việc tài giám binh bí và giải quyết chiến tranh Việt Nam. Phản ứng trước cuộc tiến công của quân dân miền Nam từ đầu năm 1972, Nixon đã tăng cường đánh phá miền Bắc nhằm ngăn chặn sự chi viện từ miền Bắc vào miền Nam. Khi hạ lệnh tấn công, phía Mỹ lo ngại hành động này sẽ làm cho Moscow nổi giận, dẫn đến việc bãi bỏ Hội nghị Thượng đỉnh Mỹ - Xô đã được dự kiến. Nhưng thực ra, phía Liên Xô cũng không muốn Hội nghị bị đổ vỡ. Đầu tháng 5, trong trận oanh kích cảng Hải Phòng, tên lửa và bom đạn từ máy bay Mỹ rơi trúng vào con tàu treo cờ Liên Xô đang bốc dở hàng viện trợ cho Việt Nam. Người Mỹ nín thở chờ đợi phản ứng của người Nga. Ngày 10-5, Đại sứ Liên Xô tại Mỹ Dobrynin được lệnh đọc cho Kissinger một công hàm chính thức của chính phủ “kiên quyết phản đối các hành động tội lỗi của không quân Mỹ gây thương vong cho các thủy thủ, tàu bè của Liên Xô, đồng thời yêu cầu phải bảo đảm an toàn cho các tàu và thủy thủ của Liên Xô”²⁹. Nghe xong, “Kissinger thở phào nhẹ nhõm thấy đây chỉ là sự phản kháng tương đối ôn hòa chống lại cuộc phong tỏa và cái chết của một công dân Xô viết đã bị một quả bom vô tình giết trong một con tàu Xô viết đậu tại cảng Hải Phòng”³⁰. Nhà Trắng nhận ra ngay rằng lời phản đối miệng từ Đại sứ Liên Xô “ngu ý rằng Liên Xô tỏ ra phản nộ về sự nguy hiểm đối với các con tàu của mình hơn là sự leo thang chiến tranh chống lại một nước XHCN anh em”³¹. Trong khi đó, tại điện Kremlin, Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Liên Xô họp bàn về việc có nên đón Nixon hay không. Giới quân sự

cùng Chủ tịch Xô viết tối cao Podgorny phàn đối việc đón tiếp Nixon còn Brezhnev, Kossygin cùng đa số ủy viên ngả về hướng ngược lại với lý do “không thể vì Việt Nam mà làm hỏng quan hệ của chúng ta với Mỹ được”³².

Cuối cùng, cuộc họp Hội nghị Thượng đỉnh không gặp trở ngại và chuyến đi của Tổng thống Mỹ đến Liên Xô tháng 5-1972 diễn ra thuận lợi. Tại điện Kreml, hai bên thảo luận một số vấn đề về quan hệ quốc tế ở châu Âu, vấn đề Berlin, ký Hiệp định về SALT I và một số hiệp định song phương về hợp tác khoa học, kỹ thuật. Vấn đề Việt Nam được thảo luận trong các phiên họp riêng ở ngoại ô Moscow, hạn chế số người dự. Các nhà lãnh đạo Xô viết biểu thị thái độ gay gắt lên án hành động hiếu chiến của Mỹ ở Việt Nam. Qua buổi họp căng thẳng, Kissinger rút ra nhận xét: “Các nhà lãnh đạo Xô viết đã không ép chúng ta phải nghe theo. Họ nói để mà nói và khi nào nói đủ để có một bản sao chép lại gửi cho Hà Nội, họ sẽ dùng lại”³³. Hai bên không đi đến kết luận nhưng hầu như đã hiểu ý nhau. Sau khi Nixon rời Moscow, Chủ tịch Xô viết tối cao Podgorny đến Hà Nội “để truyền đạt quan điểm của Mỹ tới ban lãnh đạo của Việt Nam theo nhu Liên Xô và Mỹ đã quy ước với nhau” và “chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi chuyến thăm của Podgorny không đạt được một kết quả khả quan nào”³⁴.

IV. Đối sách của Việt Nam trước ván bài giữa đồng minh và đối thủ

Về ván bài tam giác Mỹ - Trung - Xô, Nixon tính toán: “Tôi cho rằng việc nối lại quan hệ với Trung Quốc và hòa dịu với Liên Xô là những phương pháp khả quan để đẩy nhanh việc chấm dứt chiến tranh. Nếu Washington tiếp xúc với Moscow và Bắc Kinh thì ít nhất cũng làm cho Hà Nội thiếu tự tin. Còn trong trường hợp tốt nhất, nếu hai cường quốc cộng sản thấy cần quan tâm

nhiều tới mối quan hệ với Mỹ thì Hà Nội buộc phải thương lượng một giải pháp mà chúng ta có thể chấp nhận được”³⁵. Còn về hai nước đồng minh XHCN thì nhà sử học Mỹ P. Asselin nhận xét: “Phản ứng của Liên Xô và Trung Quốc rất yếu ớt đối với việc Nixon tăng cường ném bom bắn phá. Trong chuyến thăm của Nixon, Brezhnev đã đề cập đến việc Mỹ rải mìn phong tỏa các hải cảng của Bắc Việt Nam là “hành động dã man”... Về phần mình, Bắc Kinh giới hạn sự phản ứng của họ ở mức đưa ra một tuyên bố lên án sự leo thang chiến tranh. Rõ ràng cả Liên Xô và Trung Quốc đều đánh giá cao mối quan hệ hữu hảo với Washington. Trong con mắt của Moscow và Bắc Kinh, cuộc chiến tranh ở Việt Nam chỉ là một vấn đề nhỏ, có tầm quan trọng thứ yếu”³⁶. Nhắc lại những điều trên để thấy các nước lớn, do lợi ích của mỗi nước, đang bận tinh sự thỏa hiệp “trên lưng” của Việt Nam. Vậy Việt Nam ứng phó ra sao? Đây là một bài toán khó, phải giải quyết cả về mặt đối nội và đối ngoại, cả từ chiến trường đến cuộc hòa đàm Pari.

Những biến động trong quan hệ quốc tế thường gây tác động liên quan đến Việt Nam. Trước tình hình đó, điều quan trọng hàng đầu là phải kiên trì đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, tạo nên sự nhất trí và quyết tâm trong toàn Đảng, toàn dân. Thực tiễn lịch sử cho thấy mặc dù tình hình thế giới có nhiều chuyển biến, diễn biến chiến trường nhiều khi quyết liệt, quan hệ đối ngoại đặt ra nhiều thách thức, việc thực thi sách lược phải linh hoạt nhưng đường lối kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược vẫn giữ vững, không thay đổi. Sự nhất quán từ lãnh đạo đến quần chúng về đường lối kháng chiến đem lại niềm tin vững chắc, tạo nên sự nhất trí và khối đoàn kết quần dân - nguồn gốc sâu xa của sức mạnh dân tộc trong cuộc đấu tranh vì chân lý “Không có gì quý hơn độc lập tự do!”.

Ai cũng thấy rằng cuộc chiến tranh Việt Mỹ là một cuộc đối đầu không cân sức khi so sánh về tiềm lực kinh tế, ưu thế quân sự, kể cả ảnh hưởng quốc tế và kinh nghiệm ngoại giao. Nhưng sức mạnh Việt Nam bắt nguồn từ truyền thống dân tộc và tinh chất chính nghĩa của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc theo lời hiệu triệu của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Hãy còn một tảng xâm lược trên đất nước ta thì ta còn phải chiến đấu quyết sạch nó đi”. Từ nội lực vững chắc đó, **mặt trận nhân dân thế giới**, bao gồm cả nhân dân Mỹ, đoàn kết ủng hộ Việt Nam đã được mở rộng. Đường lối đối ngoại đúng đắn của Đảng và Nhà nước, hoạt động ngoại giao nhân dân của các đoàn đại biểu Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mặt trận Giải phóng (nhất là trong thời gian diễn ra cuộc hòa đàm Pari) đã giành được sự đồng tình ủng hộ của các tầng lớp nhân dân từ châu Á đến châu Âu, từ châu Phi đến Mỹ la tinh. Và điều đặc biệt là phong trào chống chiến tranh của nhân dân Mỹ phát triển chưa từng thấy trong lịch sử đất nước này. Nhiều cuộc biểu tình liên tiếp có hàng trăm ngàn người tham gia đòi chính phủ phải chấm dứt cuộc chiến ở nơi xa xôi với mục tiêu không rõ ràng, đòi đưa con em họ về nước. Danh sách những người lính Mỹ bị bắt làm tù binh cũng như những thương binh, tử sĩ Mỹ trên chiến trường Việt Nam càng dài ra càng làm sôi sục không khí đấu tranh trên đường phố. Và ngay tại Quốc hội, nhiều nghị sĩ cũng lên tiếng đòi giảm bớt ngân sách chiến tranh cho chính quyền Sài Gòn, đòi tìm giải pháp “rút lui trong danh dự”. Sự thành công của đường lối đoàn kết nhân dân thế giới ủng hộ Việt Nam đã góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh ngoại giao nói riêng, vào thắng lợi cuối cùng của sự nghiệp cứu nước nói chung.

Thách thức lớn của cuộc kháng chiến chống Mỹ là đối đầu với một địch thủ có ưu thế về sức mạnh vật chất, Việt Nam phải dựa vào sự ủng hộ của phe XHCN trong khi hai nước lớn mâu thuẫn

ngày càng sâu sắc, thậm chí đối kháng nhau. Thực tiễn đã chứng minh *tinh đúng đắn của đường lối đoàn kết với Liên Xô, đoàn kết với Trung Quốc* được xác định tại Hội nghị Trung ương lần thứ 9 (1963). Điều đó xuất phát từ lợi ích chung của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, đồng thời có ý nghĩa thiết thực với cuộc đấu tranh cách mạng của nước nhà. Trung Quốc là một nước lớn ở gần Việt Nam, có nhiều khả năng giúp đỡ về hậu cần (lương thực, thực phẩm, quân nhu, xăng dầu), về vũ khí và phương tiện chiến tranh ở tầm trung bình với đường tiếp vận đất liền và sông biển thuận tiện. Trong khi đó, Liên Xô ở rất xa nhưng với trình độ kỹ thuật cao, Liên Xô có thể viện trợ các loại vũ khí hiện đại để chống trả cuộc tiến công bằng các phương tiện tối tân của Mỹ. Sự kết hợp cả hai nguồn viện trợ đó đã nhân lên sức mạnh của Việt Nam, dù sức chiến đấu thắng lợi trên chiến trường cũng như chống trả thành công những cuộc oanh kích bằng B52 của Mỹ. Rất rõ ràng, nếu chỉ đi với một bên thì khó mà khắc phục được những nhược điểm của mỗi bên. Cho nên đường lối đối ngoại cân bằng chẳng những có ý nghĩa về mặt chính trị mà còn đem lại hiệu quả thiết thực trong thực tế.

Mâu thuẫn giữa hai nước XHCN là điều bất lợi cho cuộc kháng chiến của Việt Nam. Nhưng nhìn từ một góc độ khác và nếu khai thác đúng thì đó lại là điều thuận lợi cho việc *giữ vững quyền tự chủ, tự quyết định đường lối, chính sách của mình* trong suốt cuộc kháng chiến. Hai nước lớn XHCN mặc dù rất muốn thúc ép Việt Nam nêu cao hồn về phía họ với nhiều hứa hẹn nhưng dù không đạt được điều đó, họ cũng không thể rời bỏ Việt Nam. Bởi vì trong thế giới hai cực, cuộc đấu tranh chống Mỹ là mục tiêu chung của các nước XHCN. Cuộc kháng chiến của Việt Nam nhằm bảo vệ độc lập và thống nhất của đất nước cũng mang ý nghĩa là tuyển đầu của cuộc đấu tranh giữa hai hệ thống xã

hội. Do vậy, ủng hộ Việt Nam cũng là vì lợi ích cho chính Liên Xô và Trung Quốc với tư cách là những quốc gia hàng đầu của CNXH. Kể cả khi diễn ra những cái bắt tay thân thiết ở Bắc Kinh và Moscow, họ cũng không dám hoàn toàn “bán đứng” Việt Nam để đổi lấy sự thỏa hiệp của đối phương. Sự nhân nhượng của họ là có giới hạn.

Về phần mình, Việt Nam đã nhận thức được sự chuyên dịch trong quan hệ tam giác giữa ba cường quốc. Cuộc tiến công mạnh mẽ đầu năm 1972 ở miền Nam và sự chống trả quyết liệt cuộc chiến tranh phá hoại ở miền Bắc là sự cảnh báo *không cho phép một ai có thể nói thay tiếng nói của Việt Nam*. Sách lược “đánh và đàm” kết hợp chặt chẽ giữa chiến trường với bàn đàm phán mang lại hiệu quả thiết thực cho cuộc đấu tranh. Trong khi khai thác mặt tích cực của các nước ủng hộ công cuộc kháng chiến, ta vẫn đề cao cảnh giác, hạn chế tối đa mặt tiêu cực của họ. Do vậy, khi hai nước giãm dần sự viện trợ, Việt Nam vẫn theo đuổi đến cùng mục tiêu của mình.

Kết lại, trước sự diễn biến phức tạp của mối quan hệ tam giác Mỹ - Trung - Xô, ý chí kiên quyết giữ vững đường lối kháng chiến, tinh thần kiên cường chiến đấu của quân dân hai miền Nam Bắc và thái độ kiên trì của các nhà ngoại giao trên bàn đàm phán đã hóa giải những ý đồ sau lưng Việt Nam, đem lại sự thành công của Hiệp định Pari năm 1973 buộc Mỹ phải rút quân và thắng lợi mùa Xuân 1975 đánh đổ chế độ Sài Gòn, mở đường đi tới thống nhất đất nước. Kinh nghiệm lịch sử đó vẫn có ý nghĩa thiết thực cho hôm nay và mai sau.

21. Dẫn theo Tạ Ích Hiển (Chủ biên): *Sđd*, tr.249

22. Những điểm tiếp theo là Mỹ không ủng hộ chủ trương “hai nước Trung Quốc” hoặc “một Trung Quốc, một Đài Loan” nhưng mong muốn giải quyết

hòa bình ván đề Đài Loan, thừa nhận Đài Loan là một bộ phận của Trung Quốc, không ủng hộ Đài Loan độc lập; Hiệp ước giữa Mỹ với Đài Loan dành lại cho lịch sử giải quyết, Mỹ thôi không chỉ trích hoặc cô lập Trung Quốc, ủng hộ việc khôi phục địa vị của Trung Quốc ở Liên hợp quốc nhưng không tán thành trực xuất đại biểu Đài Loan (Tham khảo Lý Kiện: *Sđd*, tr. 626 – 627)

23. Lý Kiện: *Sđd*, tr. 629

24. Tham khảo Patrick Tyler: *Sđd*, tr. 219 - 221

25. Về vấn đề Đài Loan, Trung Quốc tuyên bố CHND Trung Hoa là chính phủ hợp pháp duy nhất, Đài Loan là một tỉnh của Trung Quốc, giải quyết vấn đề Đài Loan là chuyện nội bộ của Trung Quốc, tất cả lực lượng vũ trang, căn cứ quân sự của Mỹ phải rút khỏi Đài Loan, phản đối bất kỳ hành động nào nhằm tạo ra “một Trung Quốc, một Đài Loan”, “một nước Trung Quốc hai chính phủ”, “hai nước Trung Quốc”, “Đài Loan độc lập” hay “địa vị Đài Loan chưa được xác định”; phía Mỹ tuyên bố tất cả người Trung Quốc ở hai bên bờ eo biển Đài Loan đều chỉ có một nước Trung Quốc, Đài Loan là một bộ phận của Trung Quốc, người Trung Quốc tự giải quyết hòa bình ván đề Đài Loan, mục tiêu cuối cùng của Mỹ là rút toàn bộ lực lượng vũ trang và các căn cứ quân sự ra khỏi Đài Loan (Tham khảo Tạ Ích Hiển: *Sđd* tr. 253 – 255; R. Nixon: *Hồi ký*, Nxb CAND, H, 2004, tr. 710 - 711)

26. R. Nixon: *Sđd*, tr. 711, in nghiêng trong nguyên bản

27. Lary Berman: *Sđd*, tr. 169

28. Dẫn theo I.V. Gaiduk: *Sđd*, tr. 433

29. Tham khảo A. Dobrynin: *Sđd*, tr. 415

30. R. Nixon: *Sđd*, tr. 757

31, 33, 34. I.V. Gaiduk: *Sđd*, tr. 447, 451, 454

32. A. Dobrynin: *Sđd*, tr. 417

35. R. Nixon: *No more Vietnam*. Dẫn theo P.Asselin: *Nén hòa bình mong manh – Washington, Hanoi và tiến trình của Hiệp định Paris*. Nxb CTQG, H. 2005, tr. 55 - 56

36. P. Asselin: *Sđd*, tr.80.